TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-ST
Ngày 30-3-2023.
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất;
Yêu cầu hủy Quyết định hành chính cá biệt.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Trung Hiếu

Bà Lê Thị Hồng Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Kim Hiên- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2022, về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy quyết định hành chính cá biệt", giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn* : Bà Nguyễn Thị Đ sinh năm 1957; ông Trần Văn P sinh năm 1960; có mặt.

Địa chỉ: Tổ 04, thôn NT, xã TT, huyện LY, tỉnh Yên Bái

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị A sinh năm 1965; có mặt.

Địa chỉ: Thôn NP, xã TM, huyện LY, tỉnh Yên Bái

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện LY, tỉnh Yên Bái;

Đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Khắc Y- Chủ tịch UBND huyện LY;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc S- Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện LY, tỉnh Yên Bái (theo Giấy ủy quyền số: 07/GUQ-UBND ngày 25-10-2022); vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Ủy ban nhân dân xã TM, huyện LY, tỉnh Yên Bái;

Đại diện theo pháp luật: Ông Lương Văn K- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TM, huyện LY, tỉnh Yên Bái; vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Ông Bùi Trung E và bà Nhàn Thị L; cùng địa chỉ: Thôn NP, xã TM, huyện LY, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

4. Người làm chứng:

- Ông Lầu Văn X sinh năm 1952; vắng mặt.

- Ông Lý Văn G sinh năm 1963; vắng mặt.

- Bà Lầu Thị O sinh năm 1960; vắng mặt.

- Ông Hoàng Văn F sinh năm 1952; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn NP, xã TM, huyện LY, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21-10-2021, và các bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Văn P thống nhất trình bày:

Bà Nguyễn Thị Đ được Ủy ban nhân dân huyện LY cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sau đây viết tắt là Giấy CNQSDĐ) số 00012/QSDĐ ngày 29-12-1995 đối với 935m^2 đất ruộng tại thôn 1 (Nay là Thôn NP), xã TM, huyện LY, tỉnh Yên Bái, bao gồm thửa số 165 (Diện tích 520m^2) và thửa số 231 (Diện tích là 415m^2), tờ Bản đồ số 4. Tại thời điểm giao đất năm 1995, bà Đ chỉ được nhận diện tích đất thuộc thửa số 165 mà không được giao Giấy CNQSDĐ cho gia đình bà Đ. Gia đình bà Đ canh tác trên thửa số 165 từ năm 1995 đến nay. Đến năm 2020, Ủy ban nhân dân xã TM có thông báo bà Đ đến làm thủ tục gia hạn quyền sử dụng đất. Khi bà Đ lên UBND xã TM thì mới biết mình đã được cấp Giấy CNQSDĐ số 00012 ngày 29-12-1995, lúc này bà Đ mới biết là ngoài thửa ruộng số 165 có diện tích 520m^2 đang canh tác, thì bà Đ còn được cấp quyền sử dụng thửa ruộng số 231 có diện tích 415m^2 tại thôn 1, xã TM, huyện LY, tỉnh Yên Bái. Hiện tại thửa ruộng số 231 đang đươc giao cho bà Bùi Thị A và bà A cho vợ chồng anh Bùi Trung E và chị Nhàn Thị L mượn canh tác. Bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu chị Bùi Thị A và vợ chồng anh Bùi Trung E, chị Nhạn Thị L phải trả lại thửa ruộng số 231 theo Giấy CNQSDĐ cho bà Đ.

Tại các Bản tự khai, Biên bản ghi lời khai, bị đơn bà Bùi Thị A trình bày:

Thửa ruộng số 231, tờ Bản đồ số 4 tại thôn 1, xã TM, huyện LY, tỉnh Yên Bái được giao cho bà A từ năm 1995, theo chủ trương tại thời điểm đó là mỗi người được chia 01 thửa ruộng để canh tác trồng lúa. Quá trình giao nhận đất đã được cán bộ xã TM và Trưởng thôn trực tiếp đi đo đạc, xác định ranh giới, mốc giới thửa ruộng nhưng không lập thành văn bản, giấy tờ gì. Bà A đã trực tiếp canh tác trồng

Lúa từ năm 1995, đến năm 2001 thì cho vợ chồng anh Bùi Trung E và chị Nhàn Thị L (em bà A) mượn canh tác trồng lúa đến này, không có tranh chấp gì. Bà A cho rằng thửa ruộng số 231 đã được giao cho bà hợp pháp, bà A đã canh tác, sử dụng thửa ruộng này ổn định từ năm 1995, không có tranh chấp, được thôn, bản và người dân công nhận. Do đó, bà Bùi Thị A không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Văn P, đồng thời yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00012/QSDĐ ngày 29-12-1995, cấp cho bà Nguyễn Thị Đ đối với thửa số 231 tờ Bản đồ số 4 tại thôn 1 (nay là Thôn NP), xã TM, huyện LY, tỉnh Yên Bái.

Tại Bản tự khai ngày 04-01-2023, ông Nguyễn Ngọc S- Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện LY là Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện LY, tỉnh Yên Bái trình bày:

Sau khi rà soát hồ sơ lưu giữ tại Hồ sơ Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện LY và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện hiện tại chỉ tìm thấy Sổ mục kê và Sổ địa chính có ghi lại thông tin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Đ có số vào sổ 00012/QSDĐ ngày 29-12-1995 mục đích sử dụng đất: Đất 2 lúa, thửa đất số 165 diện tích 520m^2, thửa đất số 231 (Diện tích là 415m^2), tờ Bản đồ số 4, bản đồ 299 xã TM, thời hạn sử dụng đất đến tháng 10/2014, ngoài ra chưa tìm thấy tài liệu nào khác. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Bản tự khai ngày 06-01-2023 và văn bản số 09/UBND ngày 14-3-2023, ông Lương Văn K- Chủ tịch UBND xã TM, huyện LY, tỉnh Yên Bái trình bày: Thửa đất số 231, tờ Bản đồ số 4, bản đồ 299; vị trí nằm tại Thôn NP, xã TM có diện tích thể hiện trong Bản đồ và sổ mục kê là 415m^2. Thửa đất này trước đây xã giao cho bà Bùi Thị A canh tác từ năm 1995 đến năm 2020 thì bị tranh chấp. Lý do tranh chấp: Trong quá trình rà soát làm thủ tục gia hạn đất lúa, UBND xã tìm thấy Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất nêu trên là của bà Nguyễn Thị Đ. UBND xã TM nhận định việc giao thửa đất số 213 cho bà Nguyễn Thị Đ là sai đối tượng được giao đất nông nghiệp theo Nghị định số 64/CP ngày 27-9-1993 ban hành quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Đề nghị thu hồi thửa đất số 231 diện tích 415m^2 ghi trên Giấy CNQSDĐ số 00012 ngày 29-12-1995 của bà Nguyễn Thị Đ để giao cho bà Bùi Thị A.

Tại Bản tự khai ngày 30-11-2022, anh Bùi Trung E và chị Nhàn Thị L thống nhất trình bày: Năm 2001, anh E và chị L được chị gái là Bùi Thị A cho mượn thửa ruộng (hiện đang tranh chấp) để canh tác, trồng lúa. Anh chị đã canh tác, sử dụng trên thửa ruộng này từ đó đến năm 2021 không có tranh chấp với ai. Anh E và chị L xác định thửa ruộng đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của chị Bùi Thị A từ năm 1995.

Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ông Lầu Văn X, nguyên Chủ tịch UBND xã TM (Năm 1988-2004) trình bày: Từ năm 1994 đến năm 1995, theo chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về pháp luật đất đai, UBND xã TM đã thực hiện việc giao đất ruộng cho những hộ gia đình có khẩu tại địa phương trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp (Cấy lúa). Đối với thôn Nậm Bó cũ (nay là Thôn NP) thì mỗi nhân khẩu được giao 400m^2, thời hạn đến năm 2014. Đối với bà Nguyễn Thị Đ đã thoát ly cắt khẩu khỏi địa phương từ trước năm 1995.

Tại các Biên bản lấy lời khai của những người làm chứng Lý Văn G, Lầu Thị O, Hoàng Văn F đều trình bày: Năm 1995, bà Bùi Thị A được giao thửa ruộng 415m^2 (Hiện đang tranh chấp) và đã canh tác, trồng lúa. Đến năm 2001 thì bà A giao lại thửa ruộng cho anh Bùi Trung E và chị Nhàn Thị L tiếp tục trồng lúa cho đến này, không có tranh chấp với ai. Trước năm 1995, bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Văn P không sinh sống ở thôn Nậm Bó (nay là Thôn NP) và không thấy canh tác trên thửa ruộng đang tranh chấp.

Tại Biên bản xác minh ngày 22-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện LY thể hiện: Hiện tại UBND xã TM còn lưu trữ tài liệu liên quan đến cấp Giấy CNQSDĐ cho hộ bà Nguyễn Thị Đ gồm: Sổ địa chính năm 1995 và tờ bản đồ 299; ngoài ra không còn hồ sơ tài liệu nào khác.

Tại Văn bản số 1238/CCT-NV ngày 27-7-2022 của Chi cục Thuế huyện LY cung cấp thông tin về những người có thông tin và hồ sơ, dữ liệu quản lý thuế sử dụng đất nông nghiệp như sau:

1. Bà Nguyễn Thị Đ phản ánh trên sổ thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 1996 cho thấy, bà Nguyễn Thị Đ có kê khai thửa đất trồng cây hàng năm diện tích 520m^2 (Đất Hạng 3) và thửa đất 415m^2 (Đất Hạng 5) với số thuế phải nộp là 24,7 kg thóc, bà Đ đã nộp số thuế của năm 1996. Từ năm 1997 đến thời điểm hiện tại, bà Đ không có tên trong sổ theo dõi thu thuế sử dụng đất nông nghiệp của cơ quan Thuế.

2. Bà Bùi Thị A: Trên tờ khai diện tích tính thuế sử dụng đất nông nghiệp của bà A kê khai có thửa đất 415m^2 (Đất Hạng 3) có ký nhận của bà A, cán bộ địa chính xã, công chức Thuế và UBND xã TM ngày 01-01-2002. Trên sổ thuế sử dụng đất nông nghiệp 1999, 2000, 2001, 2002 phản ánh thông tin:

- Năm 2002, bà Bùi Thị A có thửa đất trồng cây hàng năm (Đất 2 lúa) với diện tích 415m^2 (Đất Hạng 3), với số thuế phải nộp là 15,4kg Thóc.

- Từ năm 1999 đến thời điểm hiện tại, trên thửa đất trên của bà A vẫn đang được cơ quan thuế lập sổ bộ quản lý thuế sử dụng đất nông nghiệp và theo dõi thu nộp thuế đầy đủ, trong đó từ năm 1999-2002 bà A nộp thuế theo Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp, từ năm 2003 đến nay bà A được miễn thuế theo các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25-12-2021 do Tòa án nhân dân huyện LY tiến hành thể hiện: Tại Thửa ruộng số thửa 231, tờ bản đồ số 04 có vị trí tứ cận như sau:

- Phía Bắc: Giáp đất ông Đặng Văn I;

- Phía Tây và Phía Nam giáp đất ông Hoàng Văn Q;

- Phía Đông giáp đất bà Hoàng Thị B, Đặng Văn I, Hồ Thị C.

Có sơ đồ thửa đất kèm theo thể hiện diện tích thực tế là 563,1m^2. Trên đất không có tài sản gì.

Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 4.000.000 đồng. Tòa án nhân dân huyện LY đã chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.627.000đồng và đã trả lại bà Nguyễn Thị Đ 373.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Văn P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Bùi Thị A phải trả lại thửa ruộng số 231 (Diện tích theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ là 563,1m^2), tờ Bản đồ số 4 tại Thôn NP, xã TM, huyện LY, tỉnh Yên Bái, với lý do thửa ruộng này đã được Ủy ban nhân dân huyện LY cấp cho bà Nguyễn Thị Đ theo Giấy CNQSDĐ số 00012/QSDĐ ngày 29-12-1995

Bị đơn bà Bùi Thị A không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, với lý do thửa ruộng số 231 đã được giao cho bà A hợp pháp từ năm 1995, bà A đã canh tác, sử dụng thửa ruộng ổn định, liên tục không có tranh chấp, được Chính quyền xã, thôn, bản và người dân công nhận. Bà Bùi Thị A yêu cầu Tòa án hủy Giấy CNQSDĐ số 00012/QSDĐ ngày 29-12-1995 của UBND huyện LY cấp cho bà Nguyễn Thị Đ đối với thửa số 231, tờ Bản đồ số 4 tại thôn 1 (nay là Thôn NP), xã TM, huyện LY, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Văn P về việc yêu cầu chị Bùi Thị A phải trả lại thửa ruộng số 231 (Diện tích theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ là 563,1m^2), tờ Bản đồ số 4 tại Thôn NP, xã TM, huyện LY, tỉnh Yên Bái.

2. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00012/QSDĐ ngày 29-12-1995 của Ủy ban nhân dân huyện LY cấp cho bà Nguyễn Thị Đ đối với thửa

số 231 (Diện tích là 415m^2), tờ Bản đồ số 4, tại thôn 1 (Nay là Thôn NP), xã TM, huyện LY, tỉnh Yên Bái

3. Đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng; miễn án phí dân sự cho nguyên đơn là người cao tuổi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã triệu tập đến phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng, nhưng họ vắng mặt đến lần thứ hai. Do đó, Toà án căn cứ Điều 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có yêu cầu huỷ quyết định hành chính cá biệt là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 4 Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ theo quy định tại Điều 6, Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

[3] Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, các bên đương sự đều nhất trí với Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25-12-2021 của Tòa án nhân dân huyện LY, xác định đất tranh chấp là thửa đất số 231, diện tích 563,1m^2, tờ Bản đồ số 4 tại tại Thôn NP, xã TM, huyện LY, tỉnh Yên Bái. Nguyên đơn và bị đơn thống nhất giá trị diện tích đất tranh chấp là 5.000.000đồng.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại thửa đất số 231, diện tích 563,1m^2, tờ Bản đồ số 4 tại Thôn NP, xã TM, huyện LY, tỉnh Yên Bái, với lý do thửa đất này đã được UBND huyện LY cấp cho bà Nguyễn Thị Đ tại Giấy CNQSDĐ đất số 00012/QSDĐ ngày 29-12-1995,

Hội đồng xét xử thấy: Năm 1995, Ủy ban nhân dân xã TM thực hiện chủ trương giao đất ruộng cho hộ gia đình, cá nhân tại thôn 1 (nay là Thôn NP), xã TM để sản xuất nông nghiệp (Trồng lúa). Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ thừa nhận tại thời điểm nhận đất năm 1995, thì bà Đ chỉ được nhận thửa ruộng số 165 diện tích 520m^2. Gia đình bà đã canh tác trên thửa ruộng số 165 được cấp, không có tranh chấp hay khiếu kiện đòi hỏi gì. Đến khoảng tháng 6-2020, bà Đ đến UBND xã TM thì mới biết mình đã được cấp Giấy CNQSDĐ số 00012 ngày 29-12-1995, lúc này bà Đ cũng mới biết ngoài thửa ruộng số 165 có diện tích 520m^2 đang canh tác thì bà Đ còn được cấp quyền sử dụng thửa ruộng số 231 có diện tích 415m^2 tại thôn 1, xã TM, huyện LY, tỉnh Yên Bái. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ chưa bao giờ được giao, nhận và xác lập quyền sử dụng thực tế đối với thửa ruộng số 231, tờ bản đồ số 4 tại thôn 1, xã TM, huyện LY, tỉnh Yên

Bái. Mặt khác, theo Văn bản số 09/UBND ngày 14-3-2023 của UBND xã TM thể hiện: Tại thời điểm giao đất năm 1995, thì bà Đ đang là công nhân Lâm trường Lục Yên, ông P và và các con của ông P và bà Đ không có hộ khẩu thường trú tại xã TM. Do đó, các khẩu của gia đình bà Đ, ông P không phải đối tượng để nhận giao đất nông nghiệp ở xã TM, theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 64/CP ngày 27-9-1993 của Chính phủ ban hành quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

[5] Lời khai của bị đơn bà Bùi Thị A phù hợp với lời khai của những người làm chứng, được UBND xã TM xác nhận, thể hiện: Năm 1995, bà A được giao thửa ruộng số 231, tờ bản đồ số 4 tại thôn 1, Tô Mậu, huyện LY, tỉnh Yên Bái. Bà A đã canh tác, sử dụng thửa ruộng này ổn định, không có tranh chấp cho đến năm 2020 thì bà Đ đến đòi đất. Quá trình sử dụng thửa đất số 231 còn được minh chứng bằng thông tin người nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp do Chi cục Thuế huyện LY cùng cấp, đó là:

- Bà Nguyễn Thị Đ phản ánh trên sổ thuế sử dụng đất nông nghiệp năm 1996 có kê khai thửa đất trồng cây hàng năm diện tích 520m^2 (Đất Hạng 3) và thửa đất 415m^2 (Đất Hạng 5) với số thuế phải nộp là 24,7 kg thóc, bà Đ đã nộp số thuế của năm 1996. Từ năm 1997 đến thời điểm hiện tại, bà Đ không có tên trong sổ theo dõi thu thuế sử dụng đất nông nghiệp của cơ quan Thuế.

- Bà Bùi Thị A kê khai có thửa đất 415m^2 (Đất Hạng 3) có ký nhận của bà A, cán bộ địa chính xã, công chức Thuế và UBND xã TM ngày 01-01-2002. Từ năm 1999 đến thời điểm hiện tại, trên thửa đất trên của bà A vẫn đang được cơ quan thuế lập sổ bộ quản lý thuế sử dụng đất nông nghiệp và theo dõi thu nộp thuế đầy đủ, trong đó từ năm 1999-2002 bà A nộp thuế theo Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp, từ năm 2003 đến nay bà A được miễn thuế theo các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Từ những chứng cứ trên, Hội đồng xét xử kết luận bà Bùi Thị A đã được UBND xã TM giao cho thửa ruộng số 231, diện tích 415m^2 tờ bản đồ số 4 tại thôn 1, xã TM, huyện LY, tỉnh Yên Bái từ năm 1995. Từ đó đến khi phát sinh tranh chấp (năm 2020), bà A đang chiếm hữu, sử dụng và thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước trên thửa ruộng này một cách ngay tình, liên tục, công khai, phù hợp với quy định tại các Điều 180,182,183 của Bộ luật Dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả lại thửa ruộng số 231, tờ bản đồ số 4 tại thôn 1, xã TM, huyện LY, tỉnh Yên Bái là không có căn cứ, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét tính hợp pháp của Giấy CNQSDĐ số 00012 ngày 29-12-1995 của UBND huyện LY cấp cho bà Nguyễn Thị Đ, Hội đồng xét xử thấy: Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08-12-2022, bà Đ trình bày: *"Năm 1995 sau khi giao ruộng thì bà Nguyễn Thị K (Chị ruột bà Đ), trưởng thôn 1, xã TM có hướng dẫn cho các hộ gia đình được giao đất làm thủ tục cấp giấy CNQSDĐ. Gia đình tôi cũng làm thủ*

tục cấp giấy CNQSDĐ đối với thửa ruộng số 165 diện tích 520m^2. Toàn bộ thủ tục do bà K hướng dẫn cho tôi điền và ký vào các giấy tờ rồi nộp lại cho bà K để nộp lên cho xã, tôi cũng không nhớ thủ tục gồm có nhưng giấy tờ gì. Sau khi hoàn thiện thủ tục thì quá trình cấp giấy CNQSDĐ như thế nào thì tôi không biết và tôi cũng không được nhận giấy CNQSDĐ". Đến khoảng tháng 6-2020, bà Đ mới biết mình đã được cấp Giấy CNQSDĐ số 00012 ngày 29-12-1995, lúc này bà Đ mới biết được cấp quyền sử dụng thửa ruộng số 165 có diện tích 520m^2 và thửa ruộng số 231 có diện tích 415m^2 tại thôn 1, TM, huyện LY, tỉnh Yên Bái. Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ tại các cơ quan chức năng huyện LY và UBND xã TM đều không có hồ sơ cấp Giấy CNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị Đ.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định bà Nguyễn Thị Đ không phải là người thực hiện đăng ký, kê khai, đề nghị cấp Giấy CNQSDĐ, không phải là người được giao sử dụng đất, cũng như không phải là người đang trực tiếp sử dụng thửa đất số 231 tại thời điểm cấp Giấy CNQSDĐ.

Tại Điều 3 Nghị định số 64/CP ngày 27-9-1993 của Chính phủ quy định: "Việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp theo những nguyên tắc sau đây:

1. Trên cơ sở hiện trạng, bảo đảm đoàn kết, ổn định nông thôn, …

Do đó, việc Uỷ ban nhân dân huyện LY cấp Giấy CNQSDĐ số 00012 ngày 29-12-1995 cho bà Nguyễn Thị Đ, đối với thửa đất số 231, tờ bản đồ số 4 tại thôn 1, xã TM, huyện LY là vi phạm nguyên tắc về việc giao đất trên cơ sở hiện trạng sử dụng đất quy định tại Nghị định số 64/CP ngày 27-9-1993 của Chính phủ và Điều 21 Luật Đất đai năm 1993. Do đó, yêu cầu của bị đơn Bùi Thị A về hủy Giấy CNQSDĐ số 00012 ngày 29-12-1995 đối với thửa đất số 231, tờ bản đồ số 4 tại thôn 1, xã TM, huyện LY là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Văn P về việc yêu cầu bà Bùi Thị A phải trả lại thửa ruộng số 231 (Diện tích theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ là 563,1m^2), tờ Bản đồ số 4 tại Thôn NP, xã TM, huyện LY, tỉnh Yên Bái; Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00012/ QSDĐ ngày 29-12-1995 của Ủy ban nhân dân huyện LY cấp cho bà Nguyễn Thị Đ đối với thửa số 231 (Diện tích là 415m^2), tờ Bản đồ số 4, tại thôn 1 (Nay là Thôn NP), xã TM, huyện LY, tỉnh Yên Bái.

[8] Về Chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện LY đã chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25-12-2021 là 3.627.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 3.627.000 đồng. Xác nhận nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ đã nộp toàn bộ chi phí tố tụng.

[9] Về án phí: Do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ sinh năm 1957, là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điều 34; Điều 157; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6; Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Điều 164; Điều 184; Điều 221 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 106; 166; 170; 203 của Luật Đất đai năm 2013 và các Điều 21, 28 của Luật Đất đai năm 1993;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án,

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ và ông Trần Văn P, về việc yêu cầu bà Bùi Thị A phải trả lại thửa đất số 231 (Diện tích theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ là 563,1m^2), tờ Bản đồ số 4 tại Thôn NP, xã TM, huyện LY, tỉnh Yên Bái.

2. Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00012/QSDĐ ngày 29-12-1995 của Ủy ban nhân dân huyện LY, cấp cho bà Nguyễn Thị Đ đối với thửa đất số 231 (Diện tích là 415m^2), tờ Bản đồ số 4, tại thôn 1 (Nay là Thôn NP), xã TM, huyện LY, tỉnh Yên Bái.

3. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 3.627.000đ (Ba triệu sáu trăm hai mươi bẩy nghìn đồng). Xác nhận bà Nguyễn Thị Đ đã nộp đủ chi phí tố tụng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0002057 ngày 21-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LY, tỉnh Yên Bái.

- Bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cục THADS tỉnh Yên Bái;
- Chi cục THADS huyện LY;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA; TA; Tiểu HS; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Trung Dũng